

Bản án số: 22/2025/HS-ST.

Ngày: 20 – 5 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Hồng Điệp

Ông: Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST- HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thương T ngày 01/01/1988; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Số E, ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1958 (Đã chết) và bà Trần Thanh T1, sinh năm 1962; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ là Tô Ngọc L năm 1986; có 02 người con (Lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2024 cho đến nay (Có mặt).

- Họ và tên: Nguyễn Hoài H1 sinh ngày 01/01/1990; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn T2, sinh năm 1950 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1962; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; có vợ là Lê Thị Q, sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 01 người con là Nguyễn Tây Ý, sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/9/2024 cho đến nay (Có mặt).

Bị hại: Ông Võ Văn D năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người làm chứng:

- Ông Hà T5 H3 sinh năm 1984; địa chỉ: Số G đường L, khóm F, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Bà Võ Thị T3 T3 sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bà Trần Thanh T1 sinh năm 1962; địa chỉ: Số E, ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 13/7/2024, Nguyễn Thương T4 khiển xe mô tô biển kiểm soát 83F6 - 3594 chở Nguyễn H2 H1 trên đường về nhà. Khi đi trên lộ đal ấp T gặp ông Đông Hà T5 H3 và ông Nguyễn Văn T6 ngồi uống rượu ở lộ đal trước nhà ông D1 mặt lộ nên T7 còi xin đường nhưng ông D2 những người này không nhường đường cho xe chạy qua. Thấy vậy, T1ách xe vừa chạy qua được chỗ ông D3 dừng lại, còn H1 nói “bóp còi xin đường mà không né”. Khi H1 vừa nói xong thì ông D4 phía sau dùng tay đánh H1 nên giữa H1 và ông D5 ra giằng co qua lại. Được một lúc, H1 lên xe cho T8 về nhà T trên đường về nhà, T9 tức nên hỏi H1 “có chơi không” nhưng H1 không trả lời. Khi T8 H1 về đến nhà của mình thì T10 vào trong bếp lấy 02 cây dao (gồm 01 cây dao yếm dài khoảng 35cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại và 01 cây dao dùng để thái, dài khoảng 20cm, vỏ và cán ngắn bằng nhựa, lưỡi dao bằng kim loại). Lúc này, bà Trần Thanh T1 (mẹ ruột T sợ T11 nhau với người khác nên bà T1 khuyên ngăn nhưng T12 nghe. Sau đó, T13 ra ngoài đưa dao cán ngắn cho H1, còn T14 cây dao yếm. Tiếp đó, T15 cây dao lên ba ra xe 83F6 - 3594 và điều khiển xe chở H1 quay lại chỗ ông D

Khi đến chỗ ông D3 H1 bước xuống xe. Thấy vậy, ông D6 đến dùng tay đánh H1 và giằng co với H1 trên lộ đal. Trong lúc giằng co, ông D7 được lên người Hận rồi D dùng hai tay bóp cổ H1. Lúc này, H1 dùng tay trái rút dao mang theo, vòng tay đâm một dao vào lưng bên trái của ông D8 dao dính vào lưng. Thấy H1 bị ông D9 nên T13 xuống xe, cầm dao yếm chém một dao vào lưng ông D10 thấy lưng của ông D11 cầm dính một cây dao. Sau đó, ông D12 dậy quay mặt về phía T nên T tiếp tục dùng dao chém một dao trúng vào vùng đầu của ông Đông D13 tay phải đỡ lưỡi dao của T16 khom người xuống thì bị ông T17 tục chém một dao vào lưng và một dao vào vai. Lúc này, ông D11 choáng nên Trút cây dao khỏi lưng ông D14 cầm 02 cây dao và lên xe cho H1 chở về nhà. Trên đường về, khi đi đến cổng C thì T ném 02 cây dao xuống cổng rồi cả hai về nhà ngủ. Còn ông D11 thương tích nhưng do say rượu nên vô nhà nằm đến sáng ngày 14/7/2024 thì được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh S đến ngày 23/7/2024 thì xuất viện. Sự việc sau đó được trình báo đến Công an xã T

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống, số 450/KLTTCT-TTPYST ngày 19/9/2024 của Trung Tâm Pháp y tỉnh S về thương tích của bị hại Võ Văn D15 sau:

- Sẹo vùng đỉnh đầu lệch phải, kích thước lớn. Nứt xương vùng đỉnh phải, kích thước 4,8cm x 0,6cm, không có tổn thương não tương ứng, chưa ghi nhận dấu hiệu thần kinh khu trú, không yếu liệt chi; căn cứ Bảng 1, CMục I.3 và CMục I.2.2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (ba phần trăm) và 11% (mười một phần trăm).

- Sẹo vai phải, kích thước lớn; căn cứ Bảng 1, C Mục I.3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% (ba phần trăm).

- Sẹo vùng lưng - vai phải, kích thước trung bình; căn cứ Bảng 1, C, Mục I.2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

- Sẹo vùng lưng - vai trái, kích thước nhỏ; căn cứ Bảng 1, CMục I.1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (một phần trăm).

- Sẹo dẫn lưu đường rạch giữa khoảng liên sườn 5-6 bên trái, kích thước trung bình, căn cứ Bảng 1, CMục I.2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

- Trần khí màng phổi đã được phẫu thuật dẫn lưu kết quả tốt; căn cứ Bảng 1, CMục III.1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 05% (năm phần trăm).

- Gãy một điểm xương sườn II bên trái, cal tốt; căn cứ Bảng 1, CMục II.1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

- Vết rối loạn sắc tố da vùng lưng; căn cứ Bảng 1, CMục V. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (một phần trăm).

- Sẹo bàn - ngón IV tay phải, kích thước trung bình; căn cứ Bảng 1, C, Mục I.2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 28% (hai mươi tám phần trăm). Sẹo vùng lưng - vai trái có đặc điểm do vật có cạnh sắc - nhọn gây nên, sẹo vùng đầu, vai phải, lưng - vai phải, lưng, bàn tay phải có đặc điểm do vật sắc gây nên. Tổn thương vùng đỉnh đầu, vai phải, lưng - vai phải, lưng - vai trái, lưng nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 (hai) cây dao mà bị cáo Nguyễn Thương T và Nguyễn H2 H1 sử dụng gây thương tích, sau khi gây thương tích xong, bị cáo T18 ném xuống cống Chòi Mồi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROMATIC, màu xanh, biển kiểm soát 83P6 - 3594 của bà Nguyễn Thanh T19 bị cáo T20 nộm. Qua điều tra, xác định xe mô tô trên không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L1 đã trả lại cho bà T21

Xét thấy đủ căn cứ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Thương Tvà Nguyễn H2 H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS-LP, ngày 24/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng để xét xử các bị cáo Nguyễn Thương Tvà Nguyễn Hoài H3 về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị hại Võ Văn D16 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật;
- Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu các bị cáo bồi thường bồi thường cho bị hại, các khoản gồm:

- + Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút gồm: Tiền thuốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền viện phí 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), chi phí khác gồm tiền tái khám, đi lại, giám định 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng cộng là 26.700.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- + Tiền tổn thất tinh thần là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng);

- + Thu nhập thực tế bị giảm sút của người bị thiệt hại 18.300.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Trong quá trình điều tra bị cáo T đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để bồi thường nên bị hại đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền bồi thường nên bị cáo T22 phải bồi thường 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T24 bị cáo H3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; về trách nhiệm dân sự bị cáo T24 bị cáo H3 đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Thương Tvà Nguyễn Hoài H3 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

- + Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thương T23 hình phạt tù 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

- + Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài H3 mức hình phạt tù 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

+ 02 (hai) cây dao mà bị cáo Nguyễn Thương T24 bị cáo Nguyễn Hoài H4 dụng gây thương tích, sau khi gây thương tích xong, bị cáo T18 ném xuống cống Chòi Mòi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROMATIC, màu xanh, biển kiểm soát 83P6 - 3594 của bà Trần T25 T1do bị cáo T20 nộp. Qua điều tra, xác định xe mô tô trên không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L1 đã trả lại cho bà T1nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng, cụ thể bị cáo mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); do bị cáo T18 bồi thường cho bị hại được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn số tiền còn phải bồi thường là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí về trách nhiệm dân sự theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi mà bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện L, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa người người làm chứng là ông Huỳnh Thanh H5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét sự vắng mặt của ông H5 không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, bị hại không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ vào các điều 293 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thương T và Nguyễn H2 H1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát, cụ thể: Mặc dù trước đó không có mâu thuẫn với bị hại Võ Văn D17 vào khoảng 19 giờ ngày 13/7/2024, cả hai sau khi đi uống rượu về bị ông D đang uống rượu, ngồi lẩn ra ngoài và không nhường đường cho xe chạy qua, khi cãi nhau thì ông D18 hành vi dùng tay đánh và giằng co với H1 sau đó hai bên tự kết thúc xô

xát. Tức giận nên T8 H1 về nhà lấy 02 cây dao là hung khí nguy hiểm quay lại tìm ông D19 thương tích. Khi đến nơi thì ông D6 đến dùng tay đánh và giằng co với H1. Lúc này, do bị ông D7 lên người và dùng hai tay bóp cổ nên H1 lấy dao đâm vào lưng ông D, còn T liền sau đó đi đến dùng dao chém vào lưng, đầu, vai của D19 thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28%.

[4]. Nhận định về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Từ phân tích nêu trên hành vi của các bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng số: 17/CT-VKS-LP, ngày 24/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú truy tố bị cáo Nguyễn Thương T và Nguyễn Hoài H3 về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác. Do đó, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, nhưng không có sự bàn bạc thỏa thuận, phân công vai trò không thể hiện sự cấu kết chặt chẽ để thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phạm tội là có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn.

Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài H6 vụ án này bị cáo là người cùng với bị cáo T26 hiện hành vi gây thương tích cho bị hại. Mặc dù, mâu thuẫn với bị hại D20 dừng lại ở việc việc xô xát, cãi nhau sau đó kết thúc nhưng trên đường về, khi bị cáo T27 xướng việc quay lại đánh bị hại D bị cáo không trả lời nhưng khi về đến nhà và được bị cáo T28 cho 01 cây dao thì bị cáo vẫn nhận lấy và cùng với bị cáo T29 trở lại tìm bị hại. Khi đến nơi, trong lúc giằng co với bị hại trên lộ đal và bị hại ngồi lên người bóp cổ thì bị cáo đã rút dao mang theo, vòng tay đâm một dao vào lưng bên trái của bị hại làm cây dao dính vào lưng bị hại.

Đối với bị cáo Nguyễn Thương T30 vụ án này bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị hung khí để cùng với bị cáo H3 thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại và bị cáo cũng là người gây ra thương tích nhiều cho bị hại nhất, cụ thể: Sau khi xảy ra cãi nhau do bị hại D không nhường đường cho xe chạy qua và

bị hại còn có hành vi dùng tay đánh và giằng co với bị cáo H3 được một lúc thì H1 lên xe cho T8 về nhà T31 Tuy nhiên, trên đường về nhà bị cáo T32 là người trực tiếp người khởi xướng, rủ rê bị cáo H1 trả thù bằng việc hỏi “có chơi không” tức quay lại đánh bị hại D, mặc dù bị cáo H1 không trả lời nhưng khi về đến nhà bị cáo đã đi vào trong bếp lấy 02 cây dao và đưa cho H1 01 cây, bị cáo giữ một cây. Mặc dù được mẹ ruột bà T1 khuyên ngăn nhưng bị cáo không nghe mà vẫn trở bị cáo H1 quay lại cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại bằng việc dùng dao chém gây thương tích cho bị hại với 04 vết chém vào các vị trí vùng lưng, vùng đầu, vùng vai và khi thấy bị hại bị choáng thì bị cáo đã rút cây dao khỏi lưng bị hại rồi cầm 02 cây dao và lên xe cho H1 chở về nhà và ném bỏ hai cây dao xuống cống Chòi Mồi. Do đó hành vi của bị cáo là manh động, thể hiện sự xem thường pháp luật, cố ý xâm phạm sức khỏe của người khác một cách bất hợp pháp dù mâu thuẫn không lớn nên cần có hình phạt nghiêm khắc hơn tương xứng với tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Trước khi phạm tội, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Mặc khác, nguyên nhân mâu thuẫn cũng do một phần lỗi của bị hại là người cản đường gây sự và đánh bị cáo H1 trước, sau khi cả hai bị cáo quay lại thì bị hại cũng là người tiến đến đánh bị cáo H1 trước. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo T18 bồi thường cho bị hại được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng:

+ 02 (hai) cây dao mà bị cáo Nguyễn Thương T24 bị cáo Nguyễn Hoài H4 dụng gây thương tích, sau khi gây thương tích xong, bị cáo T18 ném xuống cống Chòi Mồi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được và bà Trần Thanh T33 chủ sở hữu cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROMATIC, màu xanh, biển kiểm soát 83P6 - 3594 của bà Nguyễn Thanh T19 bị cáo T20 nộm. Qua điều tra, xác định xe mô tô trên không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L1 đã trả lại cho bà Trần Thanh T1 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), cụ thể, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); do bị cáo T18 bồi thường cho bị hại được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên số tiền còn phải bồi thường là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thương T24 bị cáo Nguyễn Hoài H7 bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H1 phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo T34 chịu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thương T24 bị cáo Nguyễn Hoài H3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thương T35 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài H8 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), cụ thể, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); do bị cáo T18 bồi thường cho bị hại được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên số tiền còn phải bồi thường là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thương T24 bị cáo Nguyễn Hoài H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H1 phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo T34 chịu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Long Phú.
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Phong hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sóc Trăng;
- Phân trại Tạm giam huyện Long Phú
 - Trại Tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. TT, KT &THA).
- Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo